

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 3 LẦN 1 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1806519	Đỗ Trần Mai Hương	01/05/2000	N	Hóa dược	
2	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1900176	Huỳnh Hữu Thành	13/10/2000		Hóa dược	
3	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2012594	Phạm Nguyễn Anh Huy	20/03/2002		Hóa dược	
4	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2012597	Nguyễn Gia Khánh	17/07/2002		Hóa dược	
5	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2012661	Tiêu Kim Mai Trân	20/11/2002	N	Hóa dược	
6	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104101	Nguyễn Huỳnh Hương Giang	15/11/2003	N	Hóa dược	
7	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104108	Nguyễn Thị Minh Khoa	24/01/2003	N	Hóa dược	
8	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104136	Lê Thị Diễm Thùy	01/10/2003	N	Hóa dược	
9	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104166	Đoàn Tiểu Linh	07/08/2003		Hóa dược	
10	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104168	Trần Thị Thiên Lý	06/01/2003	N	Hóa dược	
11	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104169	Trần Phạm Xuân Mai	30/03/2003	N	Hóa dược	
12	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110351	Lê Nguyễn Việt Anh	05/09/2003		Hóa dược	
13	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110359	Đỗ Minh Bảo Hạnh	04/08/2003	N	Hóa dược	
14	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110363	Thân Nguyễn Anh Kiệt	28/05/2003		Hóa dược	
15	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110368	Lê Thị Kim Ngân	22/07/2003	N	Hóa dược	
16	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110389	Nguyễn Thái Lan Anh	15/02/2003	N	Hóa dược	
17	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110392	Lê Bảo Châu	10/10/2003	N	Hóa dược	
18	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110394	Quách Phước Duy	09/11/2003		Hóa dược	
19	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110395	Trần Thùy Dương	25/03/2003	N	Hóa dược	
20	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110396	Đỗ Ngọc Nguyên Hạ	01/06/2003	N	Hóa dược	
21	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110407	Lê Minh Nghĩa	25/07/2003		Hóa dược	
22	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110411	Dương Hoài Phong	29/05/2003		Hóa dược	
23	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110413	Ngô Tấn Tài	05/09/2003		Hóa dược	
24	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110415	Nguyễn Phan Hữu Thắng	25/09/2003		Hóa dược	
25	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110419	Đặng Quang Tiến	02/12/2003		Hóa dược	
26	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110422	Võ Kế Truyền	02/08/2003		Hóa dược	
27	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110424	Trương Gia Tuệ	08/10/2003	N	Hóa dược	
28	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B1804423	Thạch Sơn Ngọc Trinh	30/10/2000	N	Hóa học	
29	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2011097	Nguyễn Thị Khả Ái	20/06/2002	N	Hóa học	
30	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2011130	Nguyễn Ngọc Thảo Trâm	14/10/2002	N	Hóa học	
31	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102481	Võ Thị Cẩm Hằng	29/04/2003	N	Hóa học	
32	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102483	Bùi Phúc Huy	03/01/2003		Hóa học	
33	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102486	Nguyễn Minh Khoa	22/04/2003		Hóa học	
34	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102492	Nguyễn Ngọc Mẫn	18/09/2003	N	Hóa học	
35	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102496	Trần Đặng Kim Ngân	28/06/2003	N	Hóa học	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
36	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102498	Nguyễn Như Ngọc	19/07/2003	N	Hóa học	
37	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102506	Nguyễn Thị Mai Phương	15/04/2003	N	Hóa học	
38	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102516	Nguyễn Thị Anh Thư	12/04/2003	N	Hóa học	
39	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102520	Nguyễn Thị Thảo Trâm	22/07/2003	N	Hóa học	
40	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102523	Nguyễn Minh Tuấn	29/12/2003		Hóa học	
41	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102536	Quản Khả Doanh	28/04/2003	N	Hóa học	
42	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102540	Trần Ngọc Giàu	11/04/2003	N	Hóa học	
43	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102541	Liều Thị Ngọc Hân	31/10/2003	N	Hóa học	
44	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102542	Trần Thị Thu Hằng	25/03/2003	N	Hóa học	
45	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102561	Bùi Thị Ngọc Nhi	10/02/2003	N	Hóa học	
46	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102567	Lê Minh Phương	16/11/2003		Hóa học	
47	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102570	Trần Thị Tuyết Quỳnh	30/03/2003	N	Hóa học	
48	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102578	Võ Thị Minh Thư	29/12/2003	N	Hóa học	
49	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2102579	Lê Nguyễn Kiều Tiên	05/06/2003	N	Hóa học	
50	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107086	Trần Đặng Anh Thư	27/10/2003	N	Hóa học	
51	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107088	Nguyễn Thị Vạn Lý	13/08/2003	N	Hóa học	
52	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109401	Lê Huỳnh Kim Anh	05/11/2003	N	Hóa học	
53	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109404	Lương Quốc Diện	28/07/2003		Hóa học	
54	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109406	Trần Viễn Đông	16/09/2003		Hóa học	
55	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109407	Trương Huỳnh Giao	27/01/2003	N	Hóa học	
56	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109408	Ngô Minh Hằng	07/09/2003	N	Hóa học	
57	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109411	Nguyễn Lê Hữu Huy	03/08/2003		Hóa học	
58	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109414	Võ Đào Phúc Lợi	30/03/2003		Hóa học	
59	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109416	Lê Khả Nghị	06/05/2003		Hóa học	
60	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109419	Trần Ty Ny	01/12/2003	N	Hóa học	
61	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109424	Đỗ Ngọc Thiện	15/05/2003		Hóa học	
62	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109430	Trần Mỹ Vy	25/10/2003	N	Hóa học	
63	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109436	Lê Long Dĩnh	14/04/2003		Hóa học	
64	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109445	Nguyễn Tấn Lộc	15/03/2003		Hóa học	
65	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109449	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/07/2003	N	Hóa học	
66	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109450	Tạ Bích Như	16/04/2003	N	Hóa học	
67	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109456	Đỗ Thanh Thuý	03/05/2003	N	Hóa học	
68	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109461	Phạm Nguyễn Ngọc Vy	22/03/2003	N	Hóa học	
69	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103355	Nguyễn Ngọc Minh Anh	11/01/2003	N	Sinh học	
70	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103358	Phạm Băng Băng	10/09/2003	N	Sinh học	
71	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103383	Trần Thị Thanh Ngân	18/07/2003	N	Sinh học	
72	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103384	Trần Ngọc Thanh Ngân	06/05/2003	N	Sinh học	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
73	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103385	Nguyễn Phương Nghi	06/03/2002	N	Sinh học	
74	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103393	Mai Đức Phát	05/10/2003		Sinh học	
75	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103395	Tô Kiều Minh Quân	07/11/2003	N	Sinh học	
76	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103396	Nguyễn Kim Quý	20/02/2003	N	Sinh học	
77	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103402	Trịnh Thị Thu Thảo	16/02/2003	N	Sinh học	
78	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103411	Trần Ngọc Tổ Trân	08/03/2003	N	Sinh học	
79	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103412	Nguyễn Minh Trúc	30/11/2003	N	Sinh học	
80	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103416	Nguyễn Phương Vy	07/05/2003	N	Sinh học	
81	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109951	Nguyễn Thúy Huỳnh	10/09/2003	N	Sinh học	
82	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109960	Trần Lâm Trúc Mai	10/02/2003	N	Sinh học	
83	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109968	Phan Nguyễn Minh Nhã	20/11/2003	N	Sinh học	
84	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109972	Võ Lưu Thiên Nhi	13/03/2003	N	Sinh học	
85	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109975	Nguyễn Thị Quỳnh Như	25/01/2003	N	Sinh học	
86	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109978	Lê Hồng Phát	12/09/2003		Sinh học	
87	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109983	Nguyễn Như Quỳnh	02/01/2003	N	Sinh học	
88	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109987	Trần Anh Thư	21/01/2003	N	Sinh học	
89	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109996	Tạ Huyền Trân	08/08/2003	N	Sinh học	
90	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110000	Dương Tường Vân	01/05/2003	N	Sinh học	
91	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110003	Đỗ Thái Hải Vy	12/05/2003	N	Sinh học	
92	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110005	Lê Thị Như Ý	19/04/2003	N	Sinh học	
93	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2011823	Võ Thị Bảo Trân	28/02/2002	N	Toán ứng dụng	
94	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103256	Lê Mai Hồng Ngọc	27/06/2003	N	Toán ứng dụng	
95	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103290	Lưu Minh Thư	04/09/2003	N	Toán ứng dụng	
96	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2103300	Nguyễn Đặng Minh Trúc	20/03/2003	N	Toán ứng dụng	
97	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109833	Nguyễn Thị Minh Anh	03/09/2003	N	Toán ứng dụng	
98	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109837	Lê Hoàng Dung	26/03/2003	N	Toán ứng dụng	
99	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109840	Nguyễn Chí Ngọc Hiếu	03/12/2003	N	Toán ứng dụng	
100	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109846	Liêu Lưu Ngọc Kim	13/02/2003	N	Toán ứng dụng	
101	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2109856	Phan Hoàng Phúc	11/07/2003		Toán ứng dụng	
102	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2203214	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	13/11/2004	N	Toán ứng dụng	
103	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2203215	Nguyễn Thị Thu Hương	21/02/2004	N	Toán ứng dụng	
104	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2203232	Vương Hoàng Ngọc Phượng	28/02/2004	N	Toán ứng dụng	
105	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2203259	Võ Hoàng Khiêm	19/10/2004		Toán ứng dụng	
106	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2203274	Trần Trọng Phúc	18/06/2004		Toán ứng dụng	
107	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2203286	Nguyễn Thị Mộng Trinh	28/05/2003	N	Toán ứng dụng	
108	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2203292	Nguyễn Như Ý	12/04/2004	N	Toán ứng dụng	
109	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104849	Huỳnh Hữu Hậu	18/08/2002		Vật lý kỹ thuật	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
110	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104860	Trần Văn Khỏe	20/03/2003		Vật lý kỹ thuật	
111	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104865	Nguyễn Trọng Nghĩa	08/05/2003		Vật lý kỹ thuật	
112	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2104894	Phan Hồ Trường Vũ	22/02/2003		Vật lý kỹ thuật	
113	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107151	Trần Huỳnh Minh Khang	27/01/2003		Vật lý kỹ thuật	
114	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2107152	Nguyễn Hoàng Trung Nghĩa	30/11/2003		Vật lý kỹ thuật	
115	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110986	Phan Huỳnh Minh Duy	24/12/2003		Vật lý kỹ thuật	
116	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110994	Trần Khúc Ngọc Hân	13/03/2003	N	Vật lý kỹ thuật	
117	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2110997	Phan Trần Trung Hiếu	19/07/2003		Vật lý kỹ thuật	
118	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111003	Trần Thanh Khải	07/02/2002		Vật lý kỹ thuật	
119	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111004	Đinh Huỳnh Anh Khôi	15/09/2003		Vật lý kỹ thuật	
120	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111005	Chiêm Đăng Kiệt	12/08/2003		Vật lý kỹ thuật	
121	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111006	Trần Hoàng Kim	20/05/2003		Vật lý kỹ thuật	
122	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111007	Bùi Ngọc Mai	01/09/2003	N	Vật lý kỹ thuật	
123	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111008	Huỳnh Bảo Gia Mỹ	18/12/2003	N	Vật lý kỹ thuật	
124	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111011	Phùng Anh Nguyễn	23/06/2003		Vật lý kỹ thuật	
125	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111012	Võ Huỳnh Vũ Nhân	05/07/2003		Vật lý kỹ thuật	
126	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111017	Nguyễn Hoàng Phúc	25/09/2003		Vật lý kỹ thuật	
127	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111024	Vũ Kim Thanh	28/05/2003	N	Vật lý kỹ thuật	
128	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111026	Nguyễn Lê Thanh Thảo	24/12/2003	N	Vật lý kỹ thuật	
129	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111027	Mai Chí Thiện	20/01/2003		Vật lý kỹ thuật	
130	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111030	Phạm Minh Thuận	27/03/2003		Vật lý kỹ thuật	
131	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111033	Ngô Bảo Trân	24/04/2003	N	Vật lý kỹ thuật	
132	KH	4557/QĐ-ĐHCT	24/09/2025	B2111037	Nguyễn Trọng Yên	25/11/2003		Vật lý kỹ thuật	

ĐẠI HỌC CẦN THƠ